

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 6 năm 2024
V/v: “Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Sâm và ông Nguyễn Việt Tú.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Khánh Linh - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê - tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 62/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Vân A, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Khu T, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Khu A, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Trần Cao L, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Khu T, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị A, anh L đều có quan điểm xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Tại đơn khởi kiện ngày 02/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đoàn Thị Vân A trình bày: Chị và anh Trần Cao L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/02/2020 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh

Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống tại khu T, xã C. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 7/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm về lối sống nên không bảo ban được nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ tháng 7/2020 cho đến nay, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở xã B, huyện T ở, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đó, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xác định tình cảm không còn nên chị A làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là Trần Thu H, sinh ngày 26/10/2019 và Trần Thị Thu H1, sinh ngày 05/6/2022. Hiện nay cháu H ở ở cùng anh L, còn cháu H1 đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H1 và nhất trí giao cháu H cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị A không yêu cầu giải quyết.

2, *P bị đơn anh Trần Cao L*: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án báo gọi nhiều lần nhưng anh L đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại bản tự khai ngày 29/5/2024 anh L trình bày: Anh và chị Đoàn Thị Vân A tự nguyện kết hôn ngày 19/02/2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị A về chung sống cùng anh tại khu T, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 7/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Từ tháng 7/2020 chị A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị A ở xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị A xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh nhất trí ly hôn với chị A.

Về con chung: Anh và chị A có 02 con chung là Trần Thu H, sinh ngày 26/10/2019 và Trần Thị Thu H1, sinh ngày 05/6/2022. Hiện nay cháu H đang ở cùng anh, cháu H1 đang ở cùng chị A. Khi ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Thu H. Anh nhất trí giao cháu Trần Thị Thu H1 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh L không yêu cầu giải quyết.

3, *Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Cấp Dẫn ngày 30/5/2024 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp*: Chị A và anh L không đăng ký kết hôn tại

UBND xã C mà đăng ký kết hôn ngày 19/02/2020 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn chị A về chung sống cùng anh L tại khu T, xã C. Quá trình chung sống anh chị hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau nên không bao ban được nhau. Tháng 7/2020 khi mâu thuẫn trầm trọng chị A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở xã B, huyện T ở, từ đó không quay về chung sống cùng anh L nữa. Chị A và anh L có hai con chung là cháu Trần Thu H, sinh ngày 26/10/2019 và Trần Thị Thu H1, sinh ngày 05/6/2022. Hiện nay cháu H đang ở cùng anh L, cháu H1 đang ở cùng chị A. Nay chị A xin ly hôn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, bị đơn vi phạm về nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đoàn Thị Vân A và anh Trần Cao L.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Trần Thị Thu H1, sinh ngày 05/6/2022 cho chị Đoàn Thị Vân A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu H1 thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là Trần Thu H, sinh ngày 26/10/2019 cho anh Trần Cao L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Hà thành n (đủ 18 tuổi). Chị A, anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị A, anh L được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

[3]. Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị A, anh L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Đoàn Thị Vân A phải chịu 75.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Trần Cao L phải chịu 75.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà

và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Trần Cao L, sinh năm 1998. Địa chỉ: Khu T, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị A, anh L đều có quan điểm xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, T án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị A và anh L là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 19/02/2020. Chị Anh và anh L đều xác nhận vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 7/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm về lối sống nên không bao ban được nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ tháng 7/2020 cho đến nay, chị A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở xã B, huyện T ở, vợ chồng đã sống ly thân từ đó, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị A và anh L đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị A xin ly hôn, anh L nhất trí thuận tình ly hôn. Vì vậy, cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Anh và anh L là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị A và anh L có 02 con chung là Trần Thu H, sinh ngày 26/10/2019 và Trần Thị Thu H1, sinh ngày 05/6/2022. Hiện này cháu H ở ở cùng anh L, còn cháu H1 đang ở cùng chị L. Khi ly hôn chị A và anh L đều đề nghị giao cháu H1 cho chị A được được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu H cho anh L được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Xét thấy nguyện vọng của anh chị là phù hợp cần chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị A và anh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị A, anh L mỗi người phải chịu 75.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia

đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đoàn Thị Vân A và anh Trần Cao L.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Trần Thị Thu H1, sinh ngày 05/6/2022 cho chị Đoàn Thị Vân A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu H1 thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là Trần Thu H, sinh ngày 26/10/2019 cho anh Trần Cao L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Hà thành n (đủ 18 tuổi). Chị A, anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị A, anh L được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

[3]. Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị A, anh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Đoàn Thị Vân A phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004762 ngày 22/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Trả lại cho chị A 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Anh Trần Cao L phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã B;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đinh Thị Thu Huyền